HAMBOORG.CITY

Nền tảng miễn phí cho người nước ngoài tại Đức

✓ Trợ lý 24/7 bằng ngôn ngữ của bạn
✓ Máy quét tài liệu chính thức
✓ Nhắc nhở về thời hạn
✓ Máy tính trợ cấp

hamboorg.city — là và sẽ luôn MIỄN PHÍ

Familiennachzug — Visum, Sprachnachweis và Yêu cầu Thu nhập

Bài kiểm tra A1-Deutschtest, không gian sống đủ và thu nhập — những điều kiện tiên quyết cho Familiennachzug đến Đức.

Deutsche Begriffe: Familiennachzug | Visum | A1-Sprachnachweis | Einkommensnachweis | Wohnraumnachweis

---

Familiennachzug là gì?

Familiennachzug (Familienzusammenführung) có nghĩa là các thành viên gia đình từ nước ngoài có thể đến Đức để sống cùng một thành viên gia đình đang sống ở đây. Điều này được quy định trong **Aufenthaltsgesetz (AufenthG), §§ 27–36**.

Ai có quyền đến hợp thức?

Vợ/chồng

• Vợ hoặc chồng của một người có **Aufenthaltserlaubnis** hoặc **Niederlassungserlaubnis** có thể đến hợp thức.

• Đối với những người có **Blaue-Karte**: các điều kiện dễ dàng hơn.

Trẻ em chưa thành niên

• Trẻ em **dưới 18 tuổi** có thể đến hợp thức với cha mẹ của họ.

• Đối với trẻ em trên 16 tuổi: Chứng minh trình độ tiếng Đức C1 hoặc dự báo hội nhập tích cực.

Cha mẹ của trẻ em tị nạn chưa thành niên

• Cha mẹ của một **trẻ em tị nạn chưa thành niên không có người đi kèm** có tình trạng tị nạn có thể đến hợp thức.

Sprachnachweis A1 — Bắt buộc cho vợ/chồng

Vợ hoặc chồng muốn đến hợp thức phải chứng minh trình độ tiếng Đức cơ bản **trước khi nhập cảnh**:

• **Mức độ A1** theo Khung Tham chiếu Châu Âu Chung (GER).

• Chứng chỉ được chấp nhận: **Goethe-Institut**, **telc**, **ÖSD**.

• Chi phí: khoảng 80–150 € cho bài thi.

• Bài kiểm tra phải được thực hiện tại **quốc gia gốc**.

Miễn trừ Sprachnachweis

• Vợ/chồng của **những người có Blaue-Karte** — không yêu cầu A1.

• Vợ/chồng của **những người tị nạn được công nhận** — không yêu cầu A1 trong 3 tháng đầu tiên sau khi được công nhận.

• **Bệnh tật hoặc khuyết tật** được chứng minh, ngăn cản việc học tập.

• Công dân của các quốc gia nhất định (Hoa Kỳ, Canada, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v.).

Einkommensnachweis

Thành viên gia đình đang sống ở Đức phải chứng minh rằng **chi phí sinh hoạt được bảo đảm**:

• Thu nhập phải có thể **không có hỗ trợ xã hội** (không có Bürgergeld, không có Wohngeld) để nuôi gia đình.

• Tiêu chuẩn tham chiếu: ít nhất bằng **mức Bürgergeld** cho tất cả thành viên gia đình + tiền thuê nhà có sưởi ấm.

• Ví dụ: Cặp vợ chồng + 1 con ≈ khoảng 1.800–2.200 € ròng (tùy theo tiền thuê nhà).

Wohnraumnachweis

Căn hộ phải **đủ rộng**:

• Tiêu chuẩn tham chiếu: khoảng **12 m² trên một người** (khác nhau tùy theo tiểu bang).

• Chứng minh: **Hợp đồng thuê nhà** và có thể là sơ đồ mặt bằng.

• Căn hộ phải **đã được thuê** tại thời điểm nộp đơn.

Nộp đơn — Từng bước một

1. Nộp **Visumsantrag** tại **đại sứ quán Đức** ở quốc gia gốc.

2. Nộp tài liệu: Hộ chiếu, chứng chỉ A1, Giấy kết hôn (xác thực + dịch), Chứng minh thu nhập và không gian sống.

3. Đại sứ quán chuyển tiếp đơn cho **Ausländerbehörde** ở Đức.

4. Thời gian xử lý: **2–6 tháng** (đối với người tị nạn có thể lâu hơn).

5. Sau khi được phê duyệt: Nhập cảnh với **Visum zum Familiennachzug**, sau đó nộp đơn xin Aufenthaltserlaubnis tại Ausländerbehörde.

Chi phí

• Lệ phí Visum: **75 €** cho mỗi người (Trẻ em dưới 6 tuổi: miễn phí).

• Aufenthaltserlaubnis ở Đức: **100 €**.

• Dịch và xác thực: **50–200 €** tùy theo số lượng tài liệu.

Lý do từ chối phổ biến

• Sprachnachweis bị thiếu hoặc không hợp lệ.

• Thu nhập không đủ.

• Căn hộ quá nhỏ.

• Nghi ngờ về tính xác thực của hôn nhân (cái gọi là **Scheinehe-Prüfung**).

• Tài liệu không đầy đủ — **tất cả tài liệu** phải được dịch và xác thực.